

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2020/DS-ST

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Thanh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Đình Hưng, ông Phạm Văn Miên

**- Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:**  
Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/8/2020, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 49/2019/TLST-DS ngày 06/12/2019 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS ngày 05/6/2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, bà Lê Thị B (có mặt)

Địa chỉ: Làng L 2, xã Ia L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

-Bị đơn: Ông Nguyễn K, bà Bùi Thị L, anh Nguyễn Cao S

Địa chỉ: Làng L 2, xã Ia L, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (đều vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Theo nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ quen biết và cư trú cùng địa chỉ với nhau. Ngày 22/02/2015 (âm lịch), chúng tôi có cho ông Nguyễn K và bà Bùi Thị L vay 120.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và thỏa thuận thời hạn trả tiền vay gốc và tiền lãi là ngày 20/12/2015 (âm lịch), nhưng đến hạn ông K và bà L không trả, chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu, năm 2018 thì trả được 20.000.000đ, còn lại 100.000.000đ hẹn ngày 15/01/2018 trả, nhưng vẫn không trả, sau đó con ông Nguyễn K là ông Nguyễn Cao S nói không có tiền trả, nên nói với chúng tôi là có rẫy điều cho chúng tôi thu hoạch 03 năm để trừ nợ 100.000.000đ và yêu cầu chúng tôi đưa thêm 35.000.000đ, chúng tôi đã đưa thêm 35.000.000đ. Đến mùa thu điều năm 2018 – 2019 chúng tôi đến thu thì có người tranh chấp và bảo anh S đã bán cho họ, chúng tôi gặp anh S nói chuyện, thì S nói để trả lại tiền, nhưng đến nay ông Nguyễn K, bà L và anh S vẫn chưa trả tiền cho chúng tôi.

Vậy chúng tôi đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn K, bà Bùi Thị L và anh Nguyễn Cao S phải trả dứt điểm 135.000.000đ cho chúng tôi.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm:

+ 02 Giấy vay tiền ( bản gốc viết tay) và 02 Giấy vay tiền ( phô tô).

+ 01 Sổ hộ khẩu (phô tô).

+ 02 Chứng minh nhân dân (phô tô).

**Tại phiên toà:**

\* Nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật, tính từ ngày 20/6/2019 cho đến ngày xét xử, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ và không yêu cầu triệu tập thêm ai tham gia tố tụng.

\* Bị đơn: Ông Nguyễn K, bà Bùi Thị L từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã thông báo, triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn không có mặt tham gia tố tụng tại Toà án, nên không có ý kiến và không có tài liệu chứng cứ nộp cho Toà án.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Cao S sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, làm bản tự khai công nhận ông Nguyễn K, bà Bùi Thị L và bản thân anh S có vay nợ nguyên đơn 135.000.000đ, đồng thời nhận được trả nợ gốc làm nhiều lần, nhưng không nêu cụ thể mỗi lần trả bao nhiêu cũng như thời gian trả cụ thể và xin không phải trả nợ lãi. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo, triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn không có mặt để tham gia gia tố tụng lần nào khác.

**\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

Riêng bị đơn được Tòa án giao trực tiếp, niêm yết văn bản tố tụng để đến Tòa án tham gia tố tụng, nhưng trốn tránh, không thực hiện các quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về yêu cầu trả nợ gốc:

Đề nghị buộc bị đơn ông Nguyễn K và bà Bùi Thị L và anh Nguyễn Cao S phải trả cho nguyên đơn 135.000.000đ.

+Về yêu cầu trả tiền lãi:

Đề nghị buộc bị đơn trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

-Về án phí:

Buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo Giấy vay tiền đề ngày 22/02/2015 (âm lịch) và ngày 1/1/2019 (bản gốc) do nguyên đơn cung cấp, thể hiện ông Nguyễn K và bà Trần thị L và anh Nguyễn Cao S có nợ nguyên đơn 135.000.000đ có thỏa thuận thời hạn trả nợ, nhưng đến hạn không trả, mặc dù nguyên đơn nhiều lần yêu cầu, nên các bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai được quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Theo các giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp và trình bày thể hiện, ngày 22/02/2015 (âm lịch) ông Nguyễn K và bà Trần thị L có vay của nguyên đơn 120.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và thỏa thuận thời hạn trả tiền vay gốc và tiền lãi là ngày 20/12/2015 (âm lịch), nhưng đến hạn ông K và bà L không trả, đến năm 2018 thì trả được 20.000.000đ, còn lại 100.000.000đ anh Nguyễn Cao S cam kết ngày 15/01/2018 thanh toán, nhưng vẫn không thực hiện, sau đó anh S nói có rầy điều cho nguyên đơn thu hoạch trong 03 năm để trừ 100.000.000đ và yêu cầu nguyên đơn đưa thêm 35.000.000đ, nguyên đơn chấp nhận và đưa thêm 35.000.000đ. Đến mùa thu điều 2018 – 2019 nguyên đơn đến rầy thu điều thì có người tranh chấp, thì anh S nói với nguyên đơn để trả lại tiền và ngày 1/1/2019 anh S và ông Nguyễn K làm lại giấy vay tiền, hẹn 20/6/2019 trả trước 40.000.000đ, nhưng đến nay ông Nguyễn K, bà L và anh S vẫn chưa trả khoản nào. Nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị B cần được chấp nhận.

[3] Về yêu cầu trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh của Nguyên đơn:

Từ ngày làm lại giấy vay tiền ngày 1/1/2019 đến nay bị đơn ông Nguyễn K, bà L và anh S vẫn chưa trả cho ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị B khoản tiền nợ gốc, tiền lãi nào.

Do đó căn cứ vào các Điều 274, 275, 278, 280, 288, 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc ông Nguyễn K, bà Bùi Thị L và anh Nguyễn Cao S liên đới trả 135.000.000đ (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) nợ gốc cho ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị B là có căn cứ.

Về yêu cầu trả tiền lãi phát sinh, Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định của pháp luật, thời gian tính tiền lãi từ tháng 6/ 2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án, do đó căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán ngày 11/01/2019 hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cần buộc bị đơn phải trả lãi quá hạn cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 4 Điều 466 với mức lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, thời gian tính lãi quá hạn từ ngày 20/6/2019 cho đến ngày 24/8/2020 (ngày xét xử) là 14 tháng 04 ngày, được tính cụ thể là:

$135.000.000đ \times 0,83\% \times 14 \text{ tháng } 04 \text{ ngày} = 15.835.400đ.$

[4] Về vắng mặt bị đơn tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tiến hành các thủ tục thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn cố tình không đến Tòa án tham gia tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, chứng tỏ bị đơn cố tình kéo dài việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng. Vì vậy, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Do đó cần buộc các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào ngân sách Nhà nước. Tuyên trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo pháp luật quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 264, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ các Điều 274, 275, 278, 280, 288, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc ông Nguyễn K, bà Bùi Thị L và anh Nguyễn Cao S liên đới trả cho ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị B 150.835.400đ ( Một trăm năm mươi sáu triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm đồng ) *(Trong đó 135.000.000đ nợ gốc và 15.835.400đ tiền lãi)*

3. Buộc ông Nguyễn K, bà Bùi Thị L và anh Nguyễn Cao S phải chịu 7.541.820đ (Bảy triệu năm trăm bốn mươi một ngàn tám trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Trả lại cho ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị B 3.375.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002440 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực ( đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ( đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (24/8/2020). Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND ;
- Các đương sự;
- CCTHADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thanh**